

Bản án số: 113/2022/HS-ST
Ngày: 20 – 9 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn M

Bà Trương Thị Kim T

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà H – Kiểm sát viên;

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2022/TLST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST – HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu Đ ; Tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/6/1989; Nơi sinh: tỉnh ĐT; Nơi cư trú: ấp PY, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Chức vụ trước khi phạm tội: không; Trình độ học vấn: 7/12; Họ và tên cha: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1971 (sống); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (sống); Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000;

Vợ: Trần Thị Yến N, sinh năm 2000; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Hoàng Mạnh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 271/3 đường Lê Đình C, phường TT, quận BT, Thành phố HCM. (vắng mặt)

- Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp PL, xã AL, huyện TN, tỉnh ĐT. (có mặt)

- Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp BT2, xã Đức HH, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp BT2, xã Đức HH, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ và vợ là Trần Thị Yến N thuê phòng trọ số 7, nhà trọ biển hiệu 999 tại ấp BT2, xã Đức HH, huyện Đ, tỉnh Long An.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/4/2022, bị cáo Đ đi xe ôm từ phòng trọ trên đến khu vực CBL thuộc huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh gặp và mua chất ma túy của một người đàn ông không xác định họ tên, địa chỉ với số tiền 3.500.000đồng, mục đích để sử dụng. Bị cáo Đ cất giấu túi ma túy vừa mua Đ vào túi quần trước bên trái đang mặc trên người rồi quay về phòng trọ số 7 nhà trọ 999. Tại đây, bị cáo Đ lấy một ít chất ma túy vừa mua ra cho vào dụng cụ để sử dụng, ma túy còn lại bị cáo Đ chia ra thành 04 gói nylon hàn kín hai đầu và 01 túi nylon có rãnh khếp. Bị cáo Đ cất giấu tất cả số ma túy trên vào trong hộp giấy màu đen để trên gác trong phòng trọ số 7. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 17/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra phòng trọ số 7 thì phát hiện 04 gói nylon hàn kín và 01 túi nylon có rãnh khếp chứa chất ma túy trong chiếc hộp đen trên gác mà bị cáo Đ cất giấu trước đó nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang tạm giữ bị cáo Đ cùng với vật chứng của vụ án.

Vật chứng tạm giữ gồm có:

- 01 túi nylon rãnh khếp viền trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (dạng đá).

- 04 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (dạng đá).

- 01 hộp giấy màu đen có kích thước 13 cm x 5 cm x 2cm.

- 01 cái kéo.

- 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 339/KL-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, kết luận:

“Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon hàn kín có rãnh khếp và 04 (bốn) gói nylon hàn kín Đ niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 6,9019 gam, loại Methamphetamine.

Kèm theo kết luận giám định: 01 bản ảnh giám định gồm 08 ảnh Đ lưu tại Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Long An.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 5,8516 gam Đ đóng gói niêm phong số 339./.”.

Tại bản cáo trạng số 104/CT – VKSDH ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Hoàng Mạnh Hùng trình bày: Ông là chủ nhà trọ biển hiệu 999. Vào tháng 01/2022, ông có cho vợ chồng bị cáo Nguyễn Hữu Đ thuê phòng trọ số 7. Việc bị cáo Đ cất giấu ma túy trong phòng trọ ông hoàn toàn không biết. Do đó, ông không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Thị Yến N trình bày: Bà là vợ của bị cáo Nguyễn Hữu Đ. Bà và bị cáo Đ thuê nhà trọ 999, phòng trọ số 7 để đi làm công nhân. Việc bị cáo Đ cất giấu ma túy trong phòng trọ bà hoàn toàn không biết. Do đó, bà không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Đ.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Nguyễn Hữu Đ gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự và khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ không có thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội, do đó đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 5,8516 gam Đ đóng gói niêm phong số 339; 01 cái kéo; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy và 01 hộp giấy màu đen có kích thước 13 cm x 5 cm x 2cm.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch, có hành vi bán trái phép chất ma túy, do không xác định Đ nhân thân, lai lịch, chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo Nguyễn Hữu Đ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Trần Thị Yến N ở chung phòng trọ số 7 với bị cáo Đ nhưng bà N không biết việc bị cáo Đ mua chất ma túy về cất giấu để sử dụng nên hành vi của bà N không cấu thành tội phạm có liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Đ thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Đối với ông Hoàng Mạnh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tuy vắng nhưng đã Đ cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2.2]. Đối với ông Nguyễn Minh L, ông Nguyễn Thanh N là người làm chứng vắng mặt nhưng đã Đ cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu Đ tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã cất giữ 6,9019 gam ma túy, loại Methamphetamine mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy khác (bị cáo khai cất giữ số ma túy này để sử dụng), là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt Đ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Đ không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý, trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức Đ tác hại của ma túy, nhận thức Đ hành vi cất giữ ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu Đ là nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu

đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Do đó, mức hình phạt theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4]. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Đ luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là tình tiết giảm nhẹ Đ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Nguyễn Hữu Đ còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ không có thu lợi bất chính từ việc thực hiện hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 5,8516 gam Đ đóng gói niêm phong số 339; 01 cái kéo; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy và 01 hộp giấy màu đen có kích thước 13 cm x 5 cm x 2cm; là hoàn toàn phù hợp.

[7]. Đối với người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch, có hành vi bán trái phép chất ma túy, do không xác định Đ nhân thân, lai lịch, chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo Nguyễn Hữu Đ nên không có căn cứ xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là hoàn toàn phù hợp.

[8]. Đối với bà Trần Thị Yến N ở chung phòng trọ số 7 với bị cáo Đ nhưng bà Nhi không biết việc bị cáo Đ mua chất ma túy về cất giấu để sử dụng nên hành vi của bà Nhi không cấu thành tội phạm có liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là hoàn toàn phù hợp.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136,

khoản 1 và khoản 3 Điều 329, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ **05** (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu Đ 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 5,8516 gam Đ đóng gói niêm phong số 339; 01 cái kéo; 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy và 01 hộp giấy màu đen có kích thước 13 cm x 5 cm x 2cm.

(Tang vật nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 110-26/08/2022 ngày 26/8/2022).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa Đ quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc ngày bản án Đ niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Cơ quan thi hành hình sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc